

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-PT
Ngày 18/6/2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Oanh;

Ông Nguyễn Đức Tân;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Khánh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Ông Đỗ Hoàng Sâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLPT- DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Đông Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2019/QĐPT- DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH chế biến gỗ H; địa chỉ: Phường V, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H; địa chỉ: Số 20 Bùi Thị X, thành phố Đ, tỉnh Q là người đại diện theo ủy quyền (*Hợp đồng ủy quyền ngày 09/4/2018*), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Đắc T; địa chỉ: Số nhà 391/4 Quốc Lộ 9, Khu phố 5, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Q, có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Trần Đắc T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/1/2008 Công ty TNHH chế biến gỗ H (Công ty H) ký kết Hợp đồng kinh tế số 03/2008/HĐKT với ông Trần Đắc T về việc mua bán gỗ Nghiến hộp, khối lượng từ 100m³ đến 150m³, ước tính giá trị của hợp đồng khoảng 1,25 tỷ. Theo thỏa thuận của hợp đồng, Công ty H đặt trước cho ông Trần Đắc T số tiền 300.000.000 đồng để đảm bảo cho bên bán thực hiện hợp đồng. Sau khi nhận đủ tiền, ông T không thực hiện theo thỏa thuận.

Ngày 24/11/2009, Công ty H và ông Trần Đắc T lập bản cam kết thỏa thuận với nội dung: Ngày 15/2/2010, ông Trần Đắc T phải trả đủ số tiền đặt cọc mua gỗ nghiến 300.000.000 đồng. Nhiều lần Công ty H yêu cầu ông Trần Đắc T trả số tiền trên, nhưng ông T không trả.

Vì vậy, Công ty TNHH chế biến gỗ H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Đắc T có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH chế biến gỗ H số tiền 300.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Đắc T trình bày:

Ông Trần Đắc T thừa nhận đã nhận số tiền 300.000.000 đồng của Công ty TNHH chế biến gỗ H theo Hợp đồng kinh tế số 03/2008/HĐKT ngày 08/1/2008. Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2017 của Công ty H, Tòa án thụ lý vụ án kinh doanh thương mại ngày 08/12/2017 về việc tranh chấp “*hợp đồng đặt cọc*”. Đến nay, nguyên đơn khởi kiện lại vụ án, toàn bộ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án không thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ thay đổi yêu cầu khởi kiện tranh chấp dân sự về việc “*đòi lại tài sản*”.

Về số tiền 300.000.000 đồng ông T nhận của Công ty H là số tiền do Công ty H đặt cọc theo điều khoản của hợp đồng kinh tế về việc mua bán gỗ nghiến, không phải là số tiền vay hoặc tài sản bị chiếm hữu không có căn cứ pháp luật. Theo quy định của hợp đồng thì điều khoản về đặt cọc nhằm mục đích buộc các bên phải thực hiện hợp đồng. Vì vậy, khi giải quyết tranh chấp về số tiền đặt cọc phải giải quyết các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 03/2008/HĐKT ngày 08/1/2008. Việc Tòa án thụ lý vụ án dân sự về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” là không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp mà phải là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng kinh tế được quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện của Công ty H đã kết thúc trước ngày 08/3/2010. Do Công ty H không bị trở ngại khách quan, nhưng khởi kiện vào ngày 18/4/2018 là vi phạm thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn yêu cầu Tòa án căn cứ các Điều 184, Điều 185, điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 đình chỉ việc giải

quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 44/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 140, Điều 155, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 89, Điều 90, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 185, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH chế biến gỗ H, buộc bị đơn ông Trần Đắc T có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH chế biến gỗ H số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên dương sự phải chịu án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/3/2019 bị đơn ông Trần Đắc T kháng cáo với nội dung:

- Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cấp tổng đạt văn bản do ông T làm việc thời gian dài ở Lào nên đã ủy quyền cho Công ty Luật V theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/6/2018. Công ty Luật V đã tham gia tố tụng kể từ ngày 08/6/2018 cho đến ngày 14/11/2018 Công ty Luật V có văn bản từ chối nhận ủy quyền với lý do không liên lạc với ông Trần Đắc T để giải quyết các vấn đề liên quan đến Hợp đồng ủy quyền ngày 07/6/2018.

Ngày 30/11/2018, Tòa án mở phiên tòa nhưng việc ông T vắng mặt tại phiên tòa là do trở ngại khách quan đã được Luật sư Lê V trình bày: “*Không thể liên lạc với ông Trần Đắc T*” và tại Hộ chiếu số C 0719502 của ông T thể hiện từ ngày 12/11/2018 đến ngày 15/1/2019 ông T đang làm việc tại Lào. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết văn bản tố tụng chưa đủ điều kiện theo quy định Điều 170, Điều 181 và khoản 3 Điều 179 và chưa thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu khởi kiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì đây là vụ án tranh chấp về Hợp đồng kinh tế số 03/2008/HĐKT ngày 08/1/2008, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý tranh chấp dân sự về “*đòi lại tài sản*” và không áp dụng thời hiệu là không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Số tiền đặt cọc liên quan đến các điều khoản của hợp đồng và không phải là khoản tiền cho vay, giữ, gửi hoặc chiếm hữu không có căn cứ pháp luật nên không thuộc quan hệ “*Đòi lại tài sản*”.

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ Hợp đồng kinh tế số 03/2008/HĐKT ngày 08/1/2008 về việc mua bán gỗ nghiền hộp có nguồn gốc nhập khẩu từ Lào và chưa làm rõ tiền đặt cọc theo hợp đồng kinh tế có liên quan đến hậu quả việc thực hiện hợp đồng mua bán gỗ nghiền giữa ông K và ông Trần Đắc T ngày 28/1/2018. Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá, xem xét việc kết quả thực hiện hợp đồng, nhưng chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là thiếu căn cứ và giải quyết vụ án không đúng pháp luật.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và trả hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Hoặc trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung, xác minh được các chứng cứ mà cấp sơ thẩm chưa thực hiện

đầy đủ thì đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng. Tiến hành thu thập, kiểm tra giao nộp, công khai chứng cứ, thủ tục hòa giải, xem xét thẩm định tại chỗ và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng quy định.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định BLTTDS; trình tự, thủ tục phiên tòa đảm bảo; thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71, 73 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đắc T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Đắc T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về cấp tổng đạt văn bản tố tụng, Hội đồng xét xử thấy:

Theo Điều 2 của Hợp đồng ủy quyền ngày 07/6/2018, ông Trần Đắc T ủy quyền cho Công ty Luật V tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm cho đến khi kết thúc vụ án. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện từ khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đến khi có Quyết định hoãn phiên tòa ngày 12/11/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho Công ty Luật V. Lúc 10 giờ ngày 14/11/2018 Công ty Luật V gửi văn bản cho Tòa án cấp sơ thẩm với nội dung từ chối nhận ủy quyền của ông Trần Đắc T, nhưng không có ý kiến của ông T chấp nhận. Ngày 14/11/2018, Tòa án cấp sơ thẩm thông báo mở phiên tòa số 50/TB-TA ngày 30/11/2018 và tiến hành niêm yết tại nhà ông Trần Đắc T và tại UBND phường 3 với lý do tới nhà ông T nhiều lần nhưng không gặp.

Tại biên bản niêm yết thông báo mở phiên tòa số 50/TB-TA ngày 30/11/2018 tại nhà ông Trần Đắc T và tại UBND phường 3 có việc sửa chữa ngày niêm yết. Theo biên bản xác minh ngày 24/5/2019, ông Nguyễn Doãn T - Khu phố trưởng và bà Nguyễn Cảnh T - Cán bộ Tư pháp UBND phường 3 cung cấp việc Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành niêm yết thông báo mở phiên tòa số 50/TB-TA ngày 30/11/2018, nhưng ông T và bà T không nhớ rõ ngày niêm yết. Như vậy,

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục tổng đạt bằng phương thức niêm yết công khai thông báo mở phiên tòa số 50/TB-TA ngày 30/11/2018 theo đúng quy định tại Điều 173, Điều 179 BLTTDS và có vi phạm thủ tục tố tụng về trình tự cấp tổng đạt văn bản tố tụng, nhưng không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Sau khi xử sơ thẩm, ông Trần Đắc T có đơn kháng cáo quá hạn và Tòa án đã chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn của ông Trần Đắc T.

[2]. Xét về quan hệ tranh chấp: Theo bản cam kết thỏa thuận ngày 24/11/2009 giữa Công ty H và ông Trần Đắc T thỏa thuận ngày 15/2/2010, ông Trần Đắc T trả cho ông Tổng Văn H (Giám đốc Công ty H) số tiền đặt cọc mua gỗ nghiến 300.000.000đồng. Vì vậy, Công ty TNHH chế biến gỗ H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Đắc T có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH chế biến gỗ H số tiền 300.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự quy định, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Đòi lại tài sản*” là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét nội dung về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy:

Tại Điều 2 của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định đối với các tranh chấp phát sinh trước ngày 01/1/2017 thì áp dụng quy định về thời hiệu tại Điều 159 của BLTTDS năm 2011. Tại điểm a khoản 3 Điều 159 BLTTDS năm 2011 quy định tranh chấp về đòi lại tài sản thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 quy định đối với tranh chấp về đòi lại tài sản thì không áp dụng thời hiệu. Vì vậy, Công ty H có quyền khởi kiện đòi lại tài sản là có cơ sở.

[4]. Xét nội dung kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ Hợp đồng kinh tế số 03/2008/HĐKT ngày 08/1/2008 về việc mua bán gỗ nghiến hộp có nguồn gốc nhập khẩu từ Lào và chưa làm rõ tiền đặt cọc theo hợp đồng kinh tế có liên quan đến hậu quả việc thực hiện hợp đồng mua bán gỗ nghiến giữa ông K và ông Trần Đắc T ngày 28/1/2018. Hội đồng xét xử thấy :

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Đắc T thừa nhận đã nhận của Công ty H số tiền 300.000.000đồng là tiền đặt cọc mua gỗ Nghiến theo Hợp đồng kinh tế số 03/2008/HĐKT ngày 08/1/2008 do các bên đã ký kết. Sau đó, ông Trần Đắc T xác lập hợp đồng mua gỗ Nghiến với thương nhân Lào, nhưng do ông T chưa chuyển đủ tiền nên thương nhân Lào không giao hàng. Ông Trần Đắc T không có gỗ để giao cho Công ty H theo thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 03/2008/HĐKT ngày 08/1/2008. Ngày 24/11/2009, ông Trần Đắc T viết bản cam kết, thỏa thuận kể từ ngày 24/11/2009 đến ngày 15/2/2010 ông T trả đủ cho ông Tổng Văn H (Giám đốc Công Ty H) số tiền đặt cọc mua gỗ Nghiến 300.000.000đồng. Còn ông Tổng Văn H đồng ý cho ông T thời hạn trả trên. Tại biên bản làm việc ngày 27/5/2019, ông Trần Đắc T khẳng định việc ông T viết bản cam kết thỏa thuận ngày 24/11/2009 là hoàn toàn tự nguyện để trả số tiền đặt cọc 300.000.000đồng theo Hợp đồng kinh tế số 03/2008/HĐKT ngày 08/1/2008. Như vậy, lời trình bày của ông Trần Đắc T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do

Tòa án thu thập và do Công ty Hải Hậu, ông Trần Đắc T cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Sau khi các bên không thực hiện hợp đồng kinh tế số 03/2008/HĐKT ngày 08/1/2008, nhưng các bên cũng không có việc tranh chấp hợp đồng nên bản cam kết thỏa thuận ngày 24/11/2009 là thỏa thuận mới giữa ông T và Công ty H. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Đắc T phải trả cho Công ty H số tiền 300.000.000đồng là có cơ sở.

Đối với Hợp đồng mua bán gỗ nghiến giữa ông K và ông Trần Đắc T ngày 28/1/2018, tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận không liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 03/2008/HĐKT ngày 08/1/2008 và quan hệ pháp luật đang giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí: Ông Trần Đắc T phải chịu số tiền 15.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và số tiền 300.000đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0009724 ngày 03/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà. Ông Trần Đắc T phải tiếp tục nộp số tiền 15.000.000đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH chế biến gỗ H số tiền 7.500.000đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0009098 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 26 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 159 BLTTDS năm 2011; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đắc T và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Buộc bị đơn ông Trần Đắc T phải trả cho Công ty TNHH chế biến gỗ H số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

- Phần án phí:

Ông Trần Đắc T phải chịu số tiền 15.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và số tiền 300.000đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0009724 ngày 03/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà. Ông Trần Đắc T phải tiếp tục nộp số tiền 15.000.000đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH chế biến gỗ H số tiền 7.500.000đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0009098 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Đông Hà;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- VKSND tỉnh Q. Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTòa.
- Tổ HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà